

**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và
Khai thác Mỏ Vinavico**

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008361 ngày 4 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Số 0103008361 ngày 30 tháng 12 năm 2005	Thay đổi địa chỉ
Số 0103008361 ngày 5 tháng 3 năm 2007	Thay đổi tỷ lệ góp vốn và người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Tăng vốn và thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 25 tháng 3 năm 2008	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 23 tháng 10 năm 2008	Tăng vốn điều lệ
Số 0103008361 ngày 6 tháng 8 năm 2010	Thay đổi địa chỉ và tăng vốn điều lệ

Vốn cổ phần của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 40.000.000.000 đồng.

1.1. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại toà nhà Vinaconex 9, lô HH2-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

1.2. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình thể thao, thương mại, công nghiệp, giao thông thủy lợi và công trình điện cao thế 35 KV; kinh doanh vật liệu xây dựng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng (bốc dỡ, dọn dẹp, san lấp), khai thác mỏ; thăm dò, khai thác khoáng sản; các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản.

2. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kèm theo báo cáo này.

3. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

4. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 4 năm 2007	-
Bà Trà Thị Bé	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Nguyễn Lê Chung	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Phạm Văn Thành	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2007	-
Ông Nguyễn Ngọc Khiêm	Ủy viên	Ngày 6 tháng 6 năm 2008	-

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Khiêm	Giám đốc	Ngày 18 tháng 3 năm 2008	-
Ông Trần Văn Khánh	Phó Giám đốc	Ngày 10 tháng 9 năm 2008	-
Ông Bùi Quốc Khánh	Phó Giám đốc	Ngày 2 tháng 11 năm 2009	-

5. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

6. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Nguyễn Ngọc Khiêm, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

NGUYỄN NGỌC KHIÊM

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 10-01-042

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 4 đến trang 25. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh 2, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.

PHẠM THẾ HÙNG
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0495/KTV

NGUYỄN TIẾN DŨNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0800/KTV

HÀ NỘI
Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		71.540.900.696	47.364.293.888
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.139.670.481	1.473.990.702
1. Tiền	111	3	5.139.670.481	1.473.990.702
II. Đầu tư ngắn hạn	120		4.930.000.000	2.017.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128	4	6.060.000.000	2.710.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5	(1.130.000.000)	(693.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.614.885.292	24.594.683.638
1. Phải thu khách hàng	131		27.531.812.007	20.457.955.956
2. Trả trước cho người bán	132		4.272.711.465	4.076.476.574
5. Các khoản phải thu khác	135	6	810.361.820	60.251.108
IV. Hàng tồn kho	140	7	22.886.039.556	16.316.127.307
1. Hàng tồn kho	141		22.886.039.556	16.316.127.307
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.970.305.367	2.962.492.241
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	1.381.369.930	127.108.263
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	4.588.935.437	2.835.383.978
B. Tài sản dài hạn	200		27.346.832.106	32.001.584.149
II. Tài sản cố định	220		12.954.290.675	17.551.768.426
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	12.954.290.675	15.951.768.426
- Nguyên giá	222		24.578.363.697	23.393.494.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.624.073.022)	(7.441.726.181)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	1.600.000.000
- Nguyên giá	228		-	1.600.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.556.756.756	13.700.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	13.700.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10	13.556.756.756	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		835.784.675	749.815.723
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	835.784.675	749.815.723
Tổng cộng tài sản	270		98.887.732.802	79.365.878.037

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
A. Nợ phải trả	300		47.182.342.989	47.683.689.204
I. Nợ ngắn hạn	310		46.646.877.152	47.431.523.367
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	8.996.806.220	13.138.200.000
2. Phải trả người bán	312		31.652.604.717	27.076.886.725
3. Người mua trả tiền trước	313		1.305.379.264	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	952.728.257	1.329.789.986
5. Phải trả người lao động	315		2.301.259.355	1.984.670.009
6. Chi phí phải trả	317	14	385.227.263	3.095.903.804
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	861.419.484	705.797.388
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		191.452.592	100.275.455
II. Nợ dài hạn	330		535.465.837	252.165.837
4. Vay và nợ dài hạn	334	12	526.000.000	242.700.000
6. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.465.837	9.465.837
B. Vốn chủ sở hữu	400		51.705.389.813	31.682.188.833
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	51.705.389.813	31.682.188.833
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	26.778.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.943.790.000	75.750.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		870.000.000	455.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		353.000.000	145.000.000
9. Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	419		147.201.696	64.201.696
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.391.398.117	4.164.237.137
Tổng cộng nguồn vốn	440		98.887.732.802	79.365.878.037

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
4. Nợ khó đòi đã xử lý		374.649.627	374.649.627

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN NGỌC KHIÊM
Giám đốc

NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu	01	17	87.396.621.501	51.123.126.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		87.396.621.501	51.123.126.400
4. Giá vốn hàng bán	11	18	(77.216.003.641)	(45.068.754.290)
5. Lợi nhuận gộp	20		10.180.617.860	6.054.372.110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.538.162.263	163.290.621
7. Chi phí tài chính	22	20	(1.718.086.906)	(1.510.033.155)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>(1.281.086.906)</i>	<i>(892.033.155)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	(4.132.313.276)	(2.186.684.003)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		6.868.379.941	2.520.945.573
11. Thu nhập khác	31	22	3.002.973.825	2.555.540.640
12. Chi phí khác	32	23	(175.744.931)	(6.713.989)
13. Lợi nhuận khác	40		2.827.228.894	2.548.826.651
14. Lợi nhuận trước thuế	50		9.695.608.835	5.069.772.224
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13	(2.304.210.718)	(905.535.087)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		7.391.398.117	4.164.237.137
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.184	1.555

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN NGỌC KHIÊM
Giám đốc

NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.695.608.835	5.069.772.224
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ	02	5.312.098.542	3.686.967.456
Các khoản dự phòng	03	437.000.000	618.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.934.814.008)	(163.290.621)
Chi phí lãi vay	06	1.281.086.906	892.033.155
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.790.980.275	10.103.482.214
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(10.428.014.780)	134.136.980
Thay đổi hàng tồn kho	10	(9.614.371.609)	(11.149.431.943)
Thay đổi các khoản phải trả	11	3.894.038.487	12.610.263.807
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.311.234.703)	(840.588.711)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.800.864.476)	-
Tiền thu/(chi) khác từ hoạt động kinh doanh	15/16	(357.033.008)	(5.118.276)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.826.499.814)	10.852.744.071
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.559.478.638)	(9.774.814.277)
3. Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.050.000.000)	(1.300.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	700.000.000	1.685.000.000
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(15.100.000.000)
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	9.000.000.000	7.800.000.000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	281.405.507	163.290.621
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.371.926.869	(16.526.523.656)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	16.090.040.000	-
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	27.404.048.129	20.501.563.594
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(31.262.141.909)	(13.396.450.004)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả	36	(3.111.693.496)	(2.303.334.016)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.120.252.724	4.801.779.574
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.665.679.779	(872.000.011)
Tiền tồn đầu năm	60	1.473.990.702	2.345.990.713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối năm	70	5.139.670.481	1.473.990.702

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Các khoản giao dịch không bằng tiền trọng yếu trong năm được loại khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

Nội dung	2010	2009
Góp vốn đầu tư bằng tài sản cố định	1.600.000.000	1.600.000.000
Góp vốn đầu tư bằng hàng tồn kho	3.044.459.360	3.044.459.360
Lãi chênh lệch đánh giá tài sản góp vốn	2.693.629.099	2.555.540.640

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN NGỌC KHIÊM
Giám đốc

NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008361 ngày 4 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Số 0103008361 ngày 30 tháng 12 năm 2005	Thay đổi địa chỉ
Số 0103008361 ngày 5 tháng 3 năm 2007	Thay đổi tỷ lệ góp vốn và người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Tăng vốn và thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 24 tháng 5 năm 2007	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 25 tháng 3 năm 2008	Thay đổi người đại diện
Số 0103008361 ngày 23 tháng 10 năm 2008	Tăng vốn điều lệ
Số 0101715540 ngày 6 tháng 8 năm 2010	Thay đổi địa chỉ và tăng vốn điều lệ

Vốn cổ phần của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 40.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại toà nhà Vinaconex 9, lô HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình thể thao, thương mại, công nghiệp, giao thông thủy lợi và công trình điện cao thế 35 KV; kinh doanh vật liệu xây dựng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng (bốc dỡ, dọn dẹp, san lấp), khai thác mỏ; thăm dò, khai thác khoáng sản; các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

**Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam*

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. *Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền*

a) *Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng*

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) *Các giao dịch bằng ngoại tệ*

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.6. *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí SXKD dở} & & \text{Chi phí SXKD dở} & & \text{Chi phí SXKD dở} & & \text{Giá vốn ghi nhận} \\ \text{dang cuối kỳ từng} & = & \text{dang đầu kỳ từng} & + & \text{dang phát sinh trong} & - & \text{trong kỳ của từng} \\ \text{công trình} & & \text{công trình} & & \text{kỳ từng công trình} & & \text{công trình} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí SXKD} & & \text{Chi phí SXKD phát sinh} & & \text{Doanh thu} \\ \text{từng công} & = & \text{dở dang đầu kỳ} & + & \text{trong kỳ} & \times & \text{ghi nhận} \\ \text{trình} & & \text{Giá trị sản lượng thực hiện} & + & \text{Giá trị sản lượng thực} & & \text{trong kỳ} \\ & & \text{dở dang đầu kỳ (không bao} & + & \text{hiện trong kỳ (không} & & \\ & & \text{gồm thuế GTGT)} & & \text{bao gồm thuế GTGT)} & & \end{array}$$

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

2.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Quyền khai thác mỏ đá trắng

Quyền khai thác mỏ đá trắng tại xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái với thời gian khai thác là 30 năm bao gồm chi phí liên quan phát sinh được Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên Môi trường, Cục Địa chất Khoáng sản Việt Nam quyết định cho phép khai thác từ tháng 8 năm 2009. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã chuyển giao toàn bộ quyền khai thác này cho Công ty Cổ phần Vinavico theo hợp đồng góp vốn số 116/2009 ngày 22 tháng 12 năm 2009 và đã được Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam chấp thuận theo công văn số 2181 ngày 8 tháng 11 năm 2010.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.10. Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện cho từng khoản đầu tư và từng loại chứng khoán thuộc sở hữu của Công ty.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ hơn 1 năm đến 3 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.13. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực tế vốn góp.

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các chủ sở hữu sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng chủ sở hữu.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Hợp đồng xây dựng

a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.20. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.22. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Tiền mặt	3.780.579.382	1.091.958.885
Tiền gửi ngân hàng	1.359.091.099	382.031.817
	5.139.670.481	1.473.990.702

4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico	1.960.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần và Phát triển Giao thông Thủy Lợi	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ và CNC	1.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại & Du lịch Thành Đô	500.000.000	-
Bùi Văn Thọ	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinavico	2.000.000.000	-
	6.060.000.000	2.710.000.000

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với mức lãi suất từ 1,25%/tháng đến 1,5%/tháng.

5. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Nội dung	2010	2009
Số dư đầu năm	693.000.000	75.000.000
Tăng dự phòng trong năm	437.000.000	618.000.000
Khoản dự phòng sử dụng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	1.130.000.000	693.000.000

Đây là khoản trích dự phòng đối với số dư gốc cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico đã quá hạn với mức trích lập là 100% và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico với mức trích lập là 50%.

6. Phải thu khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Lãi cho vay phải thu	210.361.820	60.251.108
Phải thu tiền cổ tức	600.000.000	-
	810.361.820	60.251.108

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Hàng đi đường	6.300.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.691.741.471	1.953.526.264
Công cụ, dụng cụ	67.015.679	72.451.511
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.311.006.299	12.717.186.934
Hàng gửi đi bán	1.809.976.107	1.572.962.598
	22.886.039.556	16.316.127.307

8. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	66.972.678
Tạm ứng	4.464.832.687	2.668.411.300
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	124.102.750	100.000.000
	4.588.935.437	2.835.383.978

9. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	21.998.622.741	1.252.534.589	142.337.277	23.393.494.607
Tăng trong năm	189.139.091	1.418.087.272	97.642.727	1.704.869.090
<i>Trong đó:</i>				
<i>Mua mới</i>	189.139.091	1.418.087.272	97.642.727	1.704.869.090
Giảm trong năm	(520.000.000)	-	-	(520.000.000)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thanh lý</i>	(520.000.000)	-	-	(520.000.000)
Số dư cuối năm	21.667.761.832	2.670.621.861	239.980.004	24.578.363.697
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	7.145.189.092	228.513.167	68.023.922	7.441.726.181
Tăng trong năm	4.074.757.966	397.542.445	71.157.535	4.543.457.946
Giảm trong năm	(361.111.105)	-	-	(361.111.105)
Số dư cuối năm	10.858.835.953	626.055.612	139.181.457	11.624.073.022
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.853.433.649	1.024.021.422	74.313.355	15.951.768.426
Số dư cuối năm	10.808.925.879	2.044.566.249	100.798.547	12.954.290.675

Nguyên giá và giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được lần lượt là 18.330.618.878 đồng và 8.198.365.602 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	31.12.2010		31.12.2009	
	Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Vinavico	1.200.000	13.556.756.756	-	-
	1.200.000	13.556.756.756	-	-

Khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Vinavico được phân loại sang chỉ tiêu “Đầu tư dài hạn khác” từ khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết” do tỷ lệ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 giảm xuống còn 13%.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	104.015.705	733.573.185	(118.736.985)	718.851.905
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	645.800.018	-	(559.126.339)	86.673.679
Chi phí khảo sát, thiết kế	-	121.036.363	(90.777.272)	30.259.091
	749.815.723	854.609.548	(768.640.596)	835.784.675

12. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Vay ngắn hạn	8.629.806.220	11.700.000.000
Vay ngân hàng	7.887.370.220	3.700.000.000
Vay các bên liên quan	200.000.000	6.500.000.000
Vay cá nhân	542.436.000	1.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	367.000.000	1.438.200.000
Vay ngân hàng	367.000.000	1.438.200.000
Vay dài hạn	526.000.000	242.700.000
Vay ngân hàng	526.000.000	242.700.000
Cộng	9.522.806.220	13.380.900.000

Chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2010
Vay ngắn hạn					8.629.806.220
Vay ngân hàng					7.887.370.220
- Ngân hàng Đầu tư - Chi nhánh Ba Đình	6 tháng	23/12/2011	13%	Tài sản	7.887.370.220
Vay các bên liên quan					200.000.000
- Công ty Cổ phần Vinavico	12 tháng	1/21/2011	8%	Tín chấp	200.000.000
Vay cá nhân					542.436.000
- Phạm Quý Đốc	9 tháng	19/1/2011	14,4%	Tín chấp	284.250.000
- Bùi Ngọc Thắng	1 tháng	16/1/2011	14,4%	Tín chấp	179.435.000
- Nguyễn Thị Huân	1 tháng	5/1/2011	-	Tín chấp	53.507.000
- Phạm Minh Dũng	1 tháng	5/1/2011	-	Tín chấp	25.244.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2010
Vay dài hạn đến hạn trả					367.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	12 tháng	16/12/2011	10,5%- 12,75%	Tài sản	367.000.000
Vay dài hạn					526.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	30 - 36 tháng	21/10/2012	10,5%- 12,75%	Tài sản	526.000.000
Cộng					9.522.806.220

13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	127.108.263	7.464.463.731	(6.210.202.064)	1.381.369.930
	127.108.263	7.464.463.731	(6.210.202.064)	1.381.369.930
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	8.775.883.257	(8.681.001.073)	94.882.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.318.640.942	2.304.210.718	(2.800.864.476)	821.987.184
Thuế thu nhập cá nhân	11.149.044	78.705.219	(53.995.374)	35.858.889
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	1.329.789.986	11.161.799.194	(11.538.860.923)	952.728.257

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng dịch vụ như sau:

Dịch vụ	Thuế suất
Doanh thu xây lắp	10%
Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị	10%
Bán vật tư	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nội dung	2010	2009
Lợi nhuận thuần trước thuế	9.695.608.835	5.069.772.224
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận		104.713.989
Các khoản điều chỉnh tăng	121.234.036	104.713.989
- Phụ cấp Hội đồng quản trị	104.400.000	101.500.000
- Tiền phạt nộp chậm thuế	16.834.036	3.213.989
Các khoản điều chỉnh giảm	(600.000.000)	-
- Lãi cổ tức nhận được	(600.000.000)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	9.216.842.871	5.174.486.213
Lỗi năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	9.216.842.871	5.174.486.213
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	2.304.210.718	1.293.621.553
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(388.086.466)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	1.318.640.942	413.105.855
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(2.800.864.476)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	821.987.184	1.318.640.942

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

14. Chi phí phải trả

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Chi phí khoan thăm dò mỏ đá	-	1.204.897.472
Thi công đào móng tại dự án Tà Thàng	363.930.616	-
Chi phí làm đường và lán trại vào mỏ đá	-	1.839.561.888
Chi phí lãi vay	21.296.647	51.444.444
	385.227.263	3.095.903.804

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Bảo hiểm xã hội và y tế phải nộp	217.985.594	150.342.996
Kinh phí công đoàn	256.861.147	132.672.525
Cổ tức phải trả	171.262.363	272.928.867
Trần Ngọc Tuấn - nộp tiền mua cổ phần	149.853.000	149.853.000
Phải trả khác	65.457.380	-
	861.419.484	705.797.388

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau

Nội dung	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lãi lũy kế	Tổng cộng
Số dư 1.1.2009	26.778.000.000	75.750.000	160.000.000	52.000.000	34.859.731	3.121.464.579	30.222.074.310
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	295.000.000	93.000.000	64.201.696	(545.201.696)	(93.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.164.237.137	4.164.237.137
Chi khen thưởng từ lợi nhuận	-	-	-	-	(34.859.731)	-	(34.859.731)
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	(2.576.262.883)	(2.576.262.883)
Số dư 31.12.2009	26.778.000.000	75.750.000	455.000.000	145.000.000	64.201.696	4.164.237.137	31.682.188.833
Tăng vốn trong năm	13.222.000.000	2.868.040.000	-	-	-	-	16.090.040.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	415.000.000	208.000.000	83.000.000	(706.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.391.398.117	7.391.398.117
Chi thưởng ban quản lý công ty	-	-	-	-	-	(244.877.137)	(244.877.137)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(3.213.360.000)	(3.213.360.000)
Số dư 31.12.2010	40.000.000.000	2.943.790.000	870.000.000	353.000.000	147.201.696	7.391.398.117	51.705.389.813

Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2010	2009
Vốn cổ phần đầu năm	26.778.000.000	26.778.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	13.222.000.000	-
Vốn cổ phần cuối năm	40.000.000.000	26.778.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	3.213.360.000	2.576.262.883

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Cổ phiếu

Nội dung	2010	2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	2.677.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	2.677.800
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>4.000.000</i>	<i>2.677.800</i>
Số lượng cổ phiếu mua lại		-
<i>Cổ phiếu thường</i>		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	2.677.800
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>4.000.000</i>	<i>2.677.800</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

17. Doanh thu

Nội dung	2010	2009
Doanh thu hoạt động xây lắp	82.111.216.106	48.753.011.771
Doanh thu hoạt động bán vật tư, hàng hóa	5.285.405.395	2.370.114.629
	87.396.621.501	51.123.126.400

18. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2010	2009
Giá vốn hoạt động xây lắp	72.100.057.294	42.921.804.855
Giá vốn hoạt động bán vật tư, hàng hóa	5.115.946.347	2.146.949.435
	77.216.003.641	45.068.754.290

19. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2010	2009
Lãi tiền gửi ngân hàng	88.318.007	28.592.427
Lãi tiền cho vay	193.087.500	134.698.194
Cổ tức, lợi nhuận được chia	600.000.000	-
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	1.656.756.756	-
	2.538.162.263	163.290.621

20. Chi phí tài chính

Nội dung	2010	2009
Chi phí lãi vay	1.064.933.740	892.033.155
Lãi trả chậm	216.153.166	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	437.000.000	618.000.000
	1.718.086.906	1.510.033.155

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2010	2009
Chi phí nhân viên quản lý	2.182.720.798	1.189.713.667
Chi phí đồ dùng văn phòng	241.717.425	64.793.963
Chi phí khấu hao TSCĐ	294.761.430	125.189.337
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	5.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.166.170.909	696.587.146
Chi phí bằng tiền khác	243.942.714	104.599.890
	4.132.313.276	2.186.684.003

22. Thu nhập khác

Nội dung	2010	2009
Đánh giá lại tài sản góp vào Công ty Cổ phần Vinavico	2.693.629.099	2.555.540.640
Thu từ thanh lý tài sản cố định	240.909.091	-
Thu do thanh lý vật tư, bán phế liệu	31.564.000	-
Thu tiền phạt	13.000.000	-
Thu nhập khác	23.871.635	-
	3.002.973.825	2.555.540.640

23. Chi phí khác

Nội dung	2010	2009
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	158.888.895	-
Chi phí khác	16.856.036	6.713.989
	175.744.931	6.713.989

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:

Nội dung	2010	2009
<i>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông</i>		
- Lợi nhuận thuần trong năm	7.391.398.117	4.164.237.137
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
<i>Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông</i>	7.391.398.117	4.164.237.137
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm</i>		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	2.677.800	2.677.800
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	706.133	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
<i>Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm</i>	3.383.933	2.677.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.184	1.555

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

25. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			2010	2009
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Doanh thu xây lắp	74.948.012.837	47.779.157.054
		Mua vật tư, hàng hoá	(3.762.920.770)	(5.621.668.882)
		Tạm ứng cổ tức	(1.030.620.000)	(706.272.423)
		Phí bảo lãnh	-	(288.498.183)
		Thuê máy móc	-	(153.694.239)
		Mua tài sản cố định	(340.909.091)	(223.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinavico	Công ty liên kết	Nhận tiền vay	(2.000.000.000)	-

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua và mối quan hệ giữa các bên.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phải thu/(Phải trả)		
			31.12.2010	31.12.2009	
Đầu tư ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu mới Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	1.960.000.000	1.960.000.000	
Công ty Cổ phần Truyền thông Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	150.000.000	150.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinavico	Công ty liên kết	Cho vay	2.000.000.000	-	
Phải thu khách hàng					
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Doanh thu xây lắp	27.039.598.503	20.230.742.452	
Phải trả cho người bán					
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết	Vật tư, hàng hoá	-	(5.249.478.780)	

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ không cần đảm bảo, có lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

26. Các kế hoạch đầu tư

Ngày 15/12/2010 Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty đã thông qua phương án phát hành 90 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi. Theo đó, tổng số lượng phát hành là 900.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn 1 năm, lãi suất 12%/năm. Tỷ lệ chuyển đổi là 1 trái phiếu chuyển đổi thành 10 cổ phiếu.

Trái phiếu sẽ được phát hành riêng lẻ cho các đối tác chiến lược. Dự kiến trong Quý IV năm 2010 và thực hiện một đợt phát hành. Thời điểm cụ thể Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Mỏ Vinavico

**Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để đầu tư mua cổ phần của hai Công ty có sở hữu các mỏ sau: mỏ Gia Hòa, mỏ Tân Hương, mỏ Lân Bát, mỏ Nà Nâm, mỏ Pa Éng và mỏ Bắc Hà đã được cấp phép khai thác.

27. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày được phê chuẩn để phát hành ngày 18 tháng 2 năm 2011.

NGUYỄN NGỌC KHIÊM
Giám đốc

NGUYỄN CÔNG ĐƯƠNG
Kế toán trưởng